

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 5 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con và chia tài sản chung vợ
chồng khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tất Quang

Ông Nguyễn Đình Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên
tòa:*** Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn Đ – sinh năm 1984

Nơi cư trú: xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M – sinh năm 1989

Nơi cư trú: xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn H – sinh năm 1943 và bà Lê Thị H – sinh năm 1947

Nơi cư trú: xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 10/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn anh Lê Văn Đ trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn ngày 15/02/2011 tại UBND xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do không tìm hiểu kỹ càng trước khi kết hôn và những khó khăn về kinh tế cùng với sự thiếu lễ độ của chị M đối với gia đình bên nội khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến ngày 21/7/2016, chị M đã tự ý mang 01 con chung về bên ngoại sinh sống cho đến nay, bỏ mặc cho anh Đ một mình vừa nuôi con, vừa kiếm tiền trang trải nợ nần chung. Hai vợ chồng đã 02 lần xin ly hôn, được Tòa án hòa giải nên về đoàn tụ với nhau nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thay đổi, chị M vẫn không chịu về sinh sống cùng anh Đ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn chị Nguyễn Thị M;

- Con chung: có 02 con chung là Lê Thị Phương Anh sinh ngày 27/11/2011 và Lê Văn Trung sinh ngày 08/9/2014. Cháu Phương Anh đang ở với mẹ, cháu Trung đang ở với bố. Anh Đ có nguyện vọng được 01 nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng. Anh Đ không đồng ý giao cả hai con cho chị M nuôi và cũng không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: vợ chồng có các tài sản chung bao gồm: diện tích đất 756,5m² thuộc thửa 1197, tờ bản đồ số 12 tại xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc là của bố mẹ anh Đ ông H – bà H cho vợ chồng từ năm 2015. Trước khi bố mẹ chính thức cho đất thì vợ chồng cũng được bố mẹ cho mượn nhà trên đất để ở và anh Đ – chị M cũng đã xây dựng thêm được một số tài sản gắn liền trên đất khác như: nhà ngang 50m² và chái bếp 1m² gắn với nhà ngang, nhà tắm 11m², nhà chứa trâu bò 55m², mái tôn 65m², sân lát bê tông kéo từ mép nhà bố mẹ anh Đ + nhà ngang ra đến cổng 185m², bờ rào xung quanh đất về phía Tây Nam, bờ rào ngăn cách sân vườn, 02 trụ cổng và 02 cánh cửa cổng. Ngoài ra, vợ chồng còn mua sắm được một số tài sản khác như: 01 bộ bàn ghế xalông gỗ (gồm 01 bàn + 02 ghế đơn + 01 ghế dài + 01 đôn), 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ bếp ga và bình ga, 01 tủ quần áo bằng nhôm kính và 01 tủ hộp quần áo bằng nhựa, 01 tủ bát đĩa nhôm kính, 01 bồn nước Inox hiệu Đông Á dung tích 500lít, 01 xe máy Wave anpha màu đen biển kiểm soát 37D1-54508. Riêng đối với bờ rào phía Đông Nam là do anh Đ tự tạo lập trong thời gian chị M bỏ về bên ngoại sống nên là tài sản riêng của anh Đ. Các tài sản đã được xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2018 và có giá trị như kết quả định giá tài sản ngày 09/5/2018.

Nếu chia tài sản, nguyên đơn đề nghị: về quyền sử dụng đất là tài sản có nguồn gốc từ bố mẹ anh Đ cho vào năm 2015 nên anh Đ xin được hưởng phần lớn hơn xét theo công sức đóng góp. Những tài sản gắn liền trên đất thuộc về phần đất chia cho ai thì anh Đ đề nghị giao cho người đó sử dụng.

Trên đất có ngôi nhà lớn của bố mẹ anh Đ dùng để thờ cúng tổ tiên, ông bà không chuyển giao quyền lợi gì cho vợ chồng anh Đ nên đề nghị Tòa án giữ nguyên ngôi nhà lại cho ông H – bà H tiếp tục việc thờ tự đồng thời giao phần đất có ngôi nhà của ông H – bà H cho anh Đ sử dụng để ông H – bà H qua lại cho thuận tiện. Còn phần bờ tường rào phía Đông Bắc là tài sản chung của ông H bà H và anh Đ – chị M (tỷ lệ: ông H bà H 2 phần, anh Đ chị M 1 phần) thì nếu nằm trên phần đất của ai, người đó được tiếp tục sử dụng và gìn giữ mà không phân chia đồng thời cũng không xác định quyền lợi riêng biệt anh chị. Đối với bờ tường rào phía Đông Nam (giáp đường xóm) là tài sản riêng của anh thì nếu chị M muốn sử dụng phải bồi hoàn giá trị bằng tiền cho anh Đ.

Các tài sản còn lại do vợ chồng tạo lập nên thì anh Đ xin nhận 01 bộ bàn ghế xalông gỗ (gồm 01 bàn + 02 ghế đơn + 01 ghế dài + 01 đôn), 01 bộ bếp ga và bình ga, 01 tủ hộp quần áo bằng nhựa, 01 xe máy Wave anpha màu đen biển kiểm soát 37D1-54508. Anh Đ đồng ý giao ngôi nhà ngang cho chị M sở hữu nhưng yêu cầu phải trích ra 1m chiều ngang (phần giáp với nhà của ông H – bà H) giao cho anh để không ảnh hưởng đến việc sử dụng nhà của ông H – bà H sau này. Các tài sản như 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 tủ quần áo bằng nhôm kính, 01 tủ bát đĩa nhôm kính, 01 bồn nước Inox hiệu Đông Á dung tích 500lít anh Đ nhất trí giao cho chị M sở hữu.

Anh Đ không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: Sau khi chị M bỏ nhà về bên ngoại sống, khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp vay từ năm 2015 đã đến hạn nên vào ngày 20/3/2017 anh Đ phải vay ông Lê Văn H và bà Lê Thị H số tiền 110.000.000 đồng để trả khoản nợ gốc và lãi tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Đô Lương đồng thời rút thế chấp quyền sử dụng đất vợ chồng. Anh Đ yêu cầu tòa án giải quyết chia đôi khoản nợ để anh Đ, chị M mỗi người phải trả ½. Ngoài ra, vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào thêm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị M có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Chấp nhận ly hôn;

- Về con chung: có 02 con chung là Lê Thị Phương Anh sinh ngày 27/11/2011 và Lê Văn Trung sinh ngày 08/9/2014. Nguyên đơn đang nuôi cháu Trung còn bị đơn nuôi cháu Phương Anh. Nếu ly hôn, bị đơn có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 500.000 đồng/tháng. Hiện tại bị đơn làm công nhân may, thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian làm việc bắt đầu từ 7 giờ 30 phút đến 18 giờ hàng ngày và đang có sự hỗ trợ của bố mẹ để trong việc chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: vợ chồng có các tài sản chung bao gồm: diện tích đất 756,5m² thuộc thửa 1197, tờ bản đồ số 12 tại xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc là của bố mẹ chồng ông H – bà H cho vợ chồng từ năm 2015. Trước khi bố mẹ chính thức cho đất thì vợ chồng cũng được bố mẹ cho mượn nhà trên đất để ở và anh Đ – chị M cũng đã xây dựng thêm được một

số tài sản gắn liền trên đất khác như: nhà ngang 50m² và chái bếp 1m² gắn với nhà ngang, nhà tắm 11m², nhà chứa trâu bò 55m², mái tôn 65m², sân lát bê tông kéo từ mép nhà ông H bà H + nhà ngang ra đến cổng 185m², bờ rào phía Tây Nam, bờ rào ngăn cách sân vườn, 02 trụ cổng và 02 cánh cửa cổng. Ngoài ra, vợ chồng còn mua sắm được một số tài sản khác như: 01 bộ bàn ghế xalông gỗ (gồm 01 bàn + 02 ghế đơn + 01 ghế dài + 01 đôn), 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ bếp ga và bình ga, 01 tủ quần áo bằng nhôm kính và 01 tủ hộp quần áo bằng nhựa, 01 tủ bát đĩa nhôm kính, 01 bồn nước Inox hiệu Đông Á dung tích 500lít, 01 xe máy Wave anpha màu đen biển kiểm soát 37D1-54508. Các tài sản đã được xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2018 và có giá trị như kết quả định giá tài sản ngày 09/5/2018. Còn bờ tường rào phía Đông Nam (giáp đường xóm) là tài sản anh Đ tạo lập trong thời gian ly thân nên chị M thừa nhận đó là tài sản riêng của anh Đ.

Bị đơn yêu cầu Tòa án chia cho chị phần đất có diện tích bé hơn mà không yêu cầu nhận tiền chênh lệch diện tích đất bởi đây là tài sản có nguồn gốc từ bố mẹ chồng cho nên công sức của anh Đ bỏ ra lớn hơn. Chị M đồng ý giữ nguyên ngôi nhà chính của ông H, bà H và cũng nhất trí giao cho anh Đ sử dụng phần đất có nhà của ông H – bà H.

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn nhận phần nhà ngang sau khi trừ 1m chiều ngang (phần giáp ngôi nhà chính) để anh Đ sử dụng và phần đất về phía Bắc có nhà ngang kéo ra cổng, diện tích bao nhiêu chị cũng đồng thuận. Nếu phần bờ tường rào phía Đông Nam do anh Đ tạo lập nằm trên phần đất chị được chia thì chị M đồng ý nhận và bồi hoàn giá trị bằng tiền cho anh Đ.

Ngoài ra, chị M xin nhận 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 tủ quần áo bằng nhôm kính, 01 tủ bát đĩa nhôm kính, 01 bồn nước Inox hiệu Đông Á dung tích 500lít và giao cho anh Đ sở hữu 01 bộ bàn ghế xalông gỗ (gồm 01 bàn + 02 ghế đơn + 01 ghế dài + 01 đôn), 01 bộ bếp ga và bình ga, 01 tủ hộp quần áo bằng nhựa, 01 xe máy Wave anpha màu đen biển kiểm soát 37D1-54508.

Trường hợp số tài sản chị được nhận chênh lệch với số tài sản anh Đ được nhận thì chị chấp thuận bồi hoàn tiền chênh lệch cho anh Đ trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bờ tường rào phía Đông Bắc có đoạn nằm trên đất của vợ chồng, có đoạn nằm trên đất của ông H – bà H (là tài sản mà vợ chồng chị đóng góp công sức 1/3, vợ chồng ông H – bà H đóng góp công sức 2/3) thì chị đề nghị giữ nguyên hiện trạng, ai được giao phần đất có phần bờ tường nào thì vẫn tiếp tục sử dụng phần bờ tường đó làm ranh giới đất chứ không phân chia.

Chị M đề nghị Tòa án không giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: trước khi vợ chồng ly thân, anh Đ chị M có khoản nợ đối với Ngân hàng nông nghiệp huyện Đô Lương đã đến hạn mà chưa trả cả gốc và lãi. Năm 2017, anh Đ đã vay của ông H – bà H số tiền 110.000.000 đồng để thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng đồng thời giải chấp mảnh đất của vợ chồng. Chị M đồng ý trả ½ khoản nợ cho ông H – bà H là 55 triệu đồng

theo yêu cầu của ông H, bà H trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra, vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và bà Lê Thị H trình bày: sau khi anh Đ chị M kết hôn một thời gian, để tạo điều kiện cho các con có chỗ ở, ông bà cho Đ - M mượn nhà của mình còn ông bà thì chuyển sang ở cùng con trai cả. Thấy các con làm ăn khó khăn, thiếu vốn nên vào năm 2015, ông bà đã cắt 756,5m² đất của mình cho Đ - M để làm tài sản vay Ngân hàng lấy vốn làm ăn. Tuy nhiên, việc làm ăn không thuận lợi và vợ chồng Đ M lại mâu thuẫn dẫn đến chị M bỏ về nhà ngoại sống. Hết hạn hợp đồng tín dụng, lo ngại Ngân hàng sẽ thu đất để xử lý khoản nợ gốc và lãi, ông H - bà H đã cho anh Đ vay 110 triệu đồng để trả cả gốc và lãi vào ngày 20/3/2017 đồng thời giải chấp và mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về giữ. Nay Đ - M ly hôn, ông H bà H không đồng ý việc chia đất vì theo ông bà, ông bà cho Đ - M đất để lấy vốn làm ăn chứ không phải để ly hôn và chia tài sản. Trường hợp phải chia đất, ông bà đề nghị giữ nguyên ngôi nhà lớn của ông bà trên đất (vì ông bà chưa tặng cho ai cả) để ông bà tiếp tục thờ phụng tổ tiên, phần bờ tường rào phía Đông Bắc là tài sản chung của ông bà và anh Đ - chị M (tỷ lệ: ông H bà H 2 phần, anh Đ chị M 1 phần) thì nếu nằm trên phần đất của ai, người đó được tiếp tục sử dụng và gìn giữ mà không phân chia; ông bà cũng không yêu cầu Tòa án phải xác định quyền lợi riêng biệt của ông bà trong dãy bờ tường này. Còn đối với số tiền anh Đ chị M nợ ông bà thì ông bà chỉ yêu cầu chị M trả 55 triệu đồng trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông bà không yêu cầu anh Đ phải trả nợ. Sau khi chị M trả hết nợ thì ông bà sẽ giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để anh Đ - chị M làm thủ tục chia đất trên thực định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho anh Lê Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị M; giao mỗi con chung cho một người nuôi; chia tài sản chung gồm quyền sử dụng đất (cho anh Đ được hưởng khoảng 2/3 diện tích đất, cho chị M được hưởng khoảng 1/3 diện tích đất) và các tài sản khác theo luật định; buộc chị M phải trả cho ông H - bà H 55 triệu đồng; các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã ĐS về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn ngày 15/02/2011 tại UBND xã ĐS, huyện Đô Lương, Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 9, điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Đ, mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế khó khăn và chị M thiếu lễ độ với gia đình chồng; chị M lại cho rằng mâu thuẫn là do anh Đ không có lập trường, dễ bị mẹ chồng điều khiển. Mặc dù các đương sự không thống nhất về mâu thuẫn nhưng đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị M đã tự ý ly thân từ ngày 21/7/2016 đến nay. Như vậy, có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa anh Đ và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho anh Lê Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

[2.2]. Về quan hệ con chung: có 02 con chung là Lê Thị Phương Anh sinh ngày 27/11/2011 và Lê Văn Trung sinh ngày 08/9/2014. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét: Nguyên vọng nuôi con của anh Đ và chị M đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ dành cho các con. Các đương sự đều có công việc mang lại thu nhập. Anh Đ khẳng định một mình anh chỉ đủ khả năng nuôi một con; chị M cho rằng, nếu nuôi cả hai con thì sẽ gặp khó khăn nên cần sự hỗ trợ cấp dưỡng từ anh Đ. Như vậy, điều kiện nuôi con của các đương sự là tương đồng nhau, từ khi ly thân đến nay, chị M trực tiếp nuôi cháu Phương Anh, anh Đ trực tiếp nuôi cháu Trung và cả hai bên vẫn thường xuyên thăm nom, quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần của các con. Vì vậy, để hài hòa giữa quyền của người cha, người mẹ và quyền lợi về mọi mặt của các con, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống hiện tại của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con chung Lê Văn Trung, giao cho chị M trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Phương Anh; cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung

[2.3.1]. Quyền tài sản chung: vợ chồng thống nhất về quyền sở hữu và sử dụng các loại tài sản cũng như giá trị của các tài sản, cụ thể:

Đối với quyền sử dụng đất: thửa đất có số hiệu 1197, tờ bản đồ số 12 diện tích 756,5m² tại xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Đô Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY991961, sổ vào sổ cấp giấy CH02350/CN ngày 09/9/2015 cho chủ sử dụng là anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M. Giá trị thửa đất được xác định: đất ở 500 m²x120.000 đồng/m² = 60.000.000 đồng, đất trồng cây lâu năm (đất vườn liền kề đất ở) 256,5m²x40.000 đồng/m² = 10.260.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H (bố mẹ đẻ anh Đ) cho vợ chồng vào năm 2015 do đó xác định công sức tạo lập tài sản của anh Đ là phần hơn nên khi chia cần chia cho anh Đ khoảng 2/3 diện tích đất, chia cho chị M khoảng 1/3 diện tích đất mà không tính toán phần chênh lệch để buộc đương sự thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn tiền chênh lệch.

Trên thửa đất còn 01 ngôi nhà lớn cấp 4 (sơn màu tím) 3 gian lợp ngói của ông H – bà H. Các đương sự thống nhất giao phần đất có ngôi nhà lớn này cho anh Đ và giữ nguyên ngôi nhà để ông H – bà H tiếp tục thờ cúng tổ tiên.

Đối với các tài sản khác do anh Đ, chị M cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả định giá ngày 9/5/2018 thì vợ chồng anh Đ chị M đã xây dựng được các tài sản có tổng giá trị là **154.940.000** đồng gồm: 01 ngôi nhà ngang 50m² và 01 chái bếp 1m² trị giá 74.640.000 đồng, 01 nhà tắm 11m² trị giá 8.872.000 đồng, 01 nhà chứa trâu bò 55m² trị giá 14.664.000 đồng, mái tôn trước sân 65m² trị giá 14.298.000 đồng, sân lát bê tông 185m² trị giá 11.529.570 đồng, 02 trụ cổng 1.661.000 đồng, 02 cánh cổng bằng thép hộp trị giá 2.500.000 đồng, bờ rào ngăn sân vườn 26,73m trị giá 959.000 đồng, 02 bờ tường nối nhà chứa trâu bò đến bờ tường cổng trị giá 2.049.000 đồng, tường bao phía Tây Nam trị giá 8.567.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế đơn, 02 đôn) trị giá 3.000.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Aqua trị giá 2.000.000 đồng, 01 bếp ga + bình ga trị giá 500.000 đồng, 01 xe máy Honda hiệu Wave anpha màu đen biển kiểm soát 37D1-54508 trị giá 7.000.000 đồng, 01 tủ bát đĩa nhôm kính trị giá 500.000 đồng, 01 tủ quần áo nhôm kính trị giá 1.000.000 đồng, 01 bồn nước Inox 500lít trị giá 700.000 đồng, 01 tủ nhựa hộp đựng áo quần trị giá 500.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh Đ và chị M thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung vợ chồng. Xét thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia theo thỏa thuận. Cụ thể:

- Chia quyền sử dụng đất.

Chia cho chị M 260,1m² đất (gồm 111m² đất ở và 149,1m² đất vườn) trị giá 19.284.000 đồng về phía Bắc thửa đất có ranh giới:

Phía Đông giáp đường xóm có kích thước 7,87m.

Phía Tây giáp phần đất chia cho anh Đ có kích thước 8,04m

Phía Nam giáp phần đất chia cho anh Đ có kích thước 9,08m+22,45m

Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn H có kích thước 29,16m

Chia cho anh Đ 496,4m² đất về phía Nam (gồm 389m² đất ở và 107,4m² đất vườn) trị giá 50.976.000 đồng có ranh giới:

Phía Đông giáp đường xóm có kích thước 13,49m

Phía Tây giáp đất ông H có kích thước 19,99m

Phía Nam giáp đường xóm có kích thước 18,14m+6,17m+13,37m

Phía Bắc giáp đất ông H có kích thước 4,99m và giáp phần đất chia cho chị M có kích thước 8,04m+9,08m+22,45m

Anh Đ không phải bù tiền chênh lệch về diện tích đất cho chị M.

Trên phần đất chia cho anh Đ có ngôi nhà cấp 4 diện tích 60m² của ông H bà H thì giao ông H bà H được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Chia tài sản khác:

Chia cho chị M được sở hữu: 41m² diện tích phần nhà ngang trị giá 60.000.000 đồng, 01 nhà tắm 11m² trị giá 8.872.000 đồng, 01 nhà chứa trâu bò 55m² trị giá 14.664.000 đồng, 1 phần mái tôn trước sân 5m² trị giá 1.100.000 đồng, 01 phần sân lát bê tông kéo dài ra cổng 39m² trị giá 2.430.000 đồng, 01 trụ cổng trị giá 830.500 đồng, 01 cánh cổng bằng thép hộp trị giá 1.250.000 đồng, 02 bờ tường nối nhà chứa trâu bò đến bờ tường cổng trị giá 2.049.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Aqua trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ bát đĩa nhôm kính trị giá 500.000 đồng, 01 tủ quần áo nhôm kính trị giá 1.000.000 đồng, 01 bồn nước Inox 500lít trị giá 700.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là **95.395.500** đồng. Chị M phải giao lại cho anh Đ **17.925.500** đồng tiền chênh lệch tài sản do nhận quá.

Giao cho chị M được sở hữu 5,98m bờ tường bao phía Đông Nam trị giá 1.436.000 đồng nhưng chị M có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị tài sản cho anh Đ là **1.431.000** đồng.

Chia cho anh Đ được sở hữu: 9m² diện tích phần nhà ngang + 01 chái bếp 1m² trị giá 14.640.000 đồng, mái tôn 60m² trị giá 13.198.000 đồng, sân lát bê tông kéo dài ra cổng 146m² trị giá 9.100.000 đồng, 01 trụ cổng trị giá 830.500 đồng, 01 cánh cổng bằng thép hộp trị giá 1.250.000 đồng, bờ rào ngăn sân vườn trị giá 959.000 đồng, bờ tường rào phía Tây Nam trị giá 8.567.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế đơn, 02 đôn) trị giá 3.000.000 đồng, 01 bếp ga + bình ga trị giá 500.000 đồng, 01 xe máy Honda hiệu Wave anpha màu đen biển kiểm soát 37D1-54508 trị giá 7.000.000 đồng, 01 tủ nhựa hộp đựng áo quần trị giá 500.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là **59.544.500** đồng. Anh Đ được nhận **17.925.500** đồng tiền chênh lệch tài sản do nhận quá và **1.436.000** đồng tiền giá trị 6m bờ rào phía Đông Nam do chị M giao lại.

* Riêng bờ tường rào phía Đông Bắc có 18,12m nằm trên đất của ông H – bà H, 16,14m nằm trên đất của anh Đ – chị M là tài sản chung của ông H – bà H (chiếm tỷ lệ 2/3) và anh Đ – chị M (chiếm tỷ lệ 1/3). Các đương sự thống nhất

giữ nguyên hiện trạng để các bên tiếp tục sử dụng chung mà không phân chia (phần bờ tường trên đất chia cho chị M có kích thước 11,19m; phần bờ tường trên đất chia cho anh Đ có kích thước 4,94m, phần bờ tường trên đất của ông H – bà H có kích thước 18,12m), cần ghi nhận.

* Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: do đương sự đề nghị không giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.2]. Về nghĩa vụ tài sản chung: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị M và ông H, bà H thỏa thuận về nội dung chị M có nghĩa vụ trả lại cho ông H, bà H số tiền 55 triệu đồng. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với thỏa thuận giữa các đương sự về thời gian giao tiền khi án chưa có hiệu lực pháp luật (3 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm) là nội dung liên quan đến thỏa thuận trong quá trình thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí chia tài sản chung, án phí về nghĩa vụ tài sản chung. Riêng đối với án phí nghĩa vụ chia tài sản chung thì do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau trước khi mở phiên tòa nên chị Minh phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn Đ ly hôn chị Nguyễn Thị M;

[2]. Về quan hệ con chung: giao con chung Lê Văn Trung sinh ngày 08/9/2014 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp nuôi; giao con chung Lê Thị Phương Anh sinh ngày 27/11/2011 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Chia tài sản chung:

[3.1]. Anh Lê Văn Đ được sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng 496,4m² đất trị giá 50.976.000 đồng (gồm 389m² đất ở và 107,4m² đất vườn) về phía Nam thửa đất 1197, tờ bản đồ số 12 tại xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY991961, số vào sổ cấp giấy CH02350/CN ngày 09/9/2015 do UBND huyện Đô Lương cấp cho chủ sử dụng là anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M, có ranh giới:

Phía Đông giáp đường xóm có kích thước 13,49m (trên đất có bờ tường bao là tài sản riêng của anh Đ);

Phía Tây giáp đất ông H có kích thước 19,99m;

Phía Nam giáp đường xóm có kích thước 18,14m+6,17m+13,37m;

Phía Bắc giáp đất ông H có kích thước 4,99m và giáp phần đất chia cho chị M có kích thước 8,04m+9,08m+22,45m.

- Chia cho anh Đ các tài sản trị giá 59.544.500 đồng, gồm: 9m² phần diện tích nhà ngang + 01 chái bếp 1m² trị giá 14.640.000 đồng, mái tôn 60m² trị giá 13.198.000 đồng, sân lát bê tông kéo dài ra cổng 146m² trị giá 9.100.000 đồng, 01 trụ cổng trị giá 830.500 đồng, 01 cánh cổng bằng thép hộp trị giá 1.250.000 đồng, bờ rào ngăn sân vườn trị giá 959.000 đồng, bờ tường rào phía Tây Nam trị giá 8.567.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế đơn, 02 đôn) trị giá 3.000.000 đồng, 01 bếp ga + bình ga trị giá 500.000 đồng, 01 xe máy Honda hiệu Wave anpha màu đen biển kiểm soát 37D1-54508 trị giá 7.000.000 đồng, 01 tủ nhựa hộp đựng áo quần trị giá 500.000 đồng. Anh Đ còn được nhận 17.925.500 đồng tiền chênh lệch do nhận quá tài sản và 1.431.000 đồng tiền bờ rào phía Đông Nam do chị M giao lại.

Tổng giá trị các tài sản anh Đ được phân chia là **128.446.000** đồng.

[3.2]. Chị Nguyễn Thị M được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng 260,1m² đất trị giá 19.284.000 đồng (gồm 111m² đất ở và 149,1m² đất vườn) về phía Bắc thửa đất 1197, tờ bản đồ số 12 tại xóm 3 xã Đại Sơn, huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY991961, số vào sổ cấp giấy CH02350/CN ngày 09/9/2015 do UBND huyện Đô Lương cấp cho chủ sử dụng là anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M, có ranh giới:

Phía Đông giáp đường xóm có kích thước 7,87m.

Phía Tây giáp phần đất chia cho anh Đ có kích thước 8,04m

Phía Nam giáp phần đất chia cho anh Đ có kích thước 9,08m+22,45m

Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn H có kích thước 29,16m

- Các tài sản khác:

Chia cho chị M được sở hữu các tài sản có giá trị 95.395.500 đồng, gồm: 41m² diện tích phần nhà ngang trị giá 60.000.000 đồng, 01 nhà tắm 11m² trị giá 8.872.000 đồng, 01 nhà chứa trâu bò 55m² trị giá 14.664.000 đồng, 1 phần mái tôn trước sân 5m² trị giá 1.100.000 đồng, 01 phần sân láng bê tông kéo dài ra cổng 39m² trị giá 2.430.000 đồng, 01 trụ cổng trị giá 830.500 đồng, 01 cánh cổng bằng thép hộp trị giá 1.250.000 đồng, 02 bờ tường nổi nhà chứa trâu bò đến bờ tường cổng trị giá 2.049.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Aqua trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ bát đĩa nhôm kính trị giá 500.000 đồng, 01 tủ quần áo nhôm kính trị giá 1.000.000 đồng, 01 bồn nước Inox 500lít trị giá 700.000 đồng. Chị M phải giao lại cho anh Đức **17.925.500** đồng tiền chênh lệch do nhận quá tài sản.

Tổng giá trị tài sản mà chị M được phân chia là **96.754.000** đồng.

Chị M được sở hữu thêm 06m bờ tường bao phía Đông Nam tồn tại trên phần đất được chia và có nghĩa vụ bồi hoàn cho anh Đức **1.431.000** đồng.

(Có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất kèm theo Bản án).

[3.3]. Giao cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị H tiếp tục sở hữu, quản lý và sử dụng vật kiến trúc là ngôi nhà chính 03 gian lợp ngói diện tích 60m² (sơn bê ngoài màu tím) xây dựng từ năm 2005 tồn tại trên phần đất được chia cho anh Lê Văn Đ tại thửa đất số 1197, tờ bản đồ số 12 tại xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Ông H, bà H, anh Đ, chị M được tiếp tục sử dụng chung phần bờ tường rào phía Đông Bắc (gồm 18,12m nằm trên đất của ông H – bà H, 4,94m nằm trên phần đất chia cho anh Đ; 11,12m nằm trên phần đất chia cho chị M).

[3.4]. Về nghĩa vụ tài sản chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc chị Nguyễn Thị M phải trả cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị H số tiền 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật đối với khoản tiền chênh lệch do nhận quá tài sản, khoản tiền bồi hoàn và khoản tiền phải thi hành nghĩa vụ tài sản chung, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[4]. Về án phí: Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 6.420.800 đồng án phí chia tài sản chung nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007422 ngày 17/11/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Anh Đ còn phải nộp 6.420.800 đồng.

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 4.838.000 đồng án phí chia tài sản chung và 1.375.000 đồng án phí nghĩa vụ tài sản chung nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007438. ngày 11/12/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Chị M còn phải nộp 838.000 đồng án phí.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đô Lương
- UBND xã ĐS
- CCTHADS huyện Đô Lương
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thê